

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-PT  
Ngày: 21-12-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Tuyền.

*Các Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Hồng Vân;  
Bà Dương Thúy Hằng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đỗ Huy Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:***  
Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2021/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 40/2021/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2021/QĐXXPT-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đ, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 153/7, ấp 1, xã HP, huyện NB, Thành Phố M; có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị T, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 153/7, ấp 1, xã HP, huyện NB, Thành Phố M; tạm trú: Khu phố AP, phường AT, thị xã TB, tỉnh TN; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Tg - Văn phòng Luật sư Tn - Đoàn Luật sư tỉnh TN; có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn anh Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nguyên đơn anh Đ trình bày:*

Anh Đ và chị T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 28-5-2016 tại Ủy ban nhân dân xã HP, huyện NB, Thành phố M. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung nhà với mẹ của anh Đ ở xã HP, sống chung đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ, không quan tâm đến nhau cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng sống riêng từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 01 con tên S, sinh ngày 20-4-2017, hiện sống với chị T. Anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con vì anh làm Đội trưởng thi công sắt thép của Công ty xây dựng T tại Thành phố M, thu nhập mỗi tháng 12.000.000 đồng nên anh có điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bị đơn chị T trình bày:*

Chị thừa nhận lời trình bày của anh Đ về thời gian kết hôn, quá trình sống chung, con chung là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không phù hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã, anh Đ đánh chị khi mang thai, anh và mẹ ruột lấy hết vàng cưới lại nên chị về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 9 năm 2018 đến nay. Nay anh Đ xin ly hôn chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con như anh Đ khai là đúng, chị nuôi con từ tháng 9 năm 2018 đến nay, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị làm công nhân mỗi tháng lương 9.000.000 đồng có điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Đ trình bày:* Chị T hiện không có nơi ở ổn định, chị T và cháu S sống chung phòng trọ với vợ chồng chị ruột, phòng trọ chật hẹp, nóng nực ảnh hưởng đến sức khỏe của cháu; anh Đ đến thăm con bị ngăn cản; anh Đ sống chung nhà với mẹ, nhà rộng ở Thành phố M có mẹ ruột anh chăm sóc cháu, điều kiện đi học từ mầm non đến đại học sẽ tốt hơn cho cháu. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đ và chị T; giao cháu S cho anh Đ nuôi dưỡng, giáo dục.

*Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Tg trình bày:* Anh Đ cho rằng anh có điều kiện chăm sóc nuôi con hơn chị T là không đúng vì từ khi vợ chồng ly thân tháng 9 năm 2018 cho đến nay anh Đ không cấp dưỡng nuôi con, chị T đi làm công nhân vẫn nuôi, chăm sóc tốt cho con, con vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường; chị T vẫn cho anh Đ đến thăm con. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đ và chị T; giao cháu S cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Tại Bản án sơ thẩm số: 40/2020/HNGĐ-ST ngày 28-5-2021 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đ và chị T.

Về con chung: Giao cháu S, sinh ngày 20-4-2017 cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tài sản chung, nợ chung: Anh Đ, chị T không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07-6-2021, anh Đ có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử giao cháu S, sinh ngày 20-4-2017 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Đ trình bày:* Anh giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giao cháu S cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con vì anh làm có lương 12.000.000 đồng/tháng; chị T không tạo điều kiện cho anh đến thăm con; khi Tòa án thị xã Trảng Bàng giải quyết vụ án anh có đến thăm con 01 lần cho con 02 thùng sữa; từ tháng 9 năm 2021 không còn thực hiện Chỉ thị 16 của Chính phủ, đi lại được nhưng do anh chưa tiêm vaccin covid-19 đủ nên không đến thăm con lần nào.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Tg trình bày:* Anh Đ kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh việc cản trở không cho thăm con; cho rằng chị T không có điều kiện nuôi con là không đúng vì chị T cũng có thu nhập hàng tháng từ lương, con chung sống ổn định với chị T thời gian dài từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay, chị T đi làm công nhân vẫn nuôi, chăm sóc tốt cho con, con vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường; chị T vẫn cho anh Đ đến thăm con, nhưng anh Đ chỉ đến thăm con 01 lần. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

*Bị đơn chị T trình bày:* Thống nhất với ý kiến của Luật sư Tg, không bổ sung gì thêm.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đ, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 40/2020/HNGĐ-ST ngày 28-5-2021 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Anh Đ nộp đơn kháng cáo ngày 07-6-2021 và nộp tiền tạm ứng án trong thời hạn quy định tại các Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Đ yêu cầu được nuôi con chung cháu S, thấy rằng:

Anh Đ và chị T có 01 con chung là cháu S, sinh ngày 20-4-2017. Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm anh Đ và chị T đều xác định chị T nuôi con chung từ khi vợ chồng sống ly thân tháng 9 năm 2018 cho đến nay.

Anh Đ trình bày hiện anh là đội trưởng thi công sắt thép của công ty xây dựng T tại Thành phố M, đi làm theo công trình, lương 12.000.000 đồng/tháng, sống chung nhà mẹ ruột tại Thành phố M. Chị T trình bày hiện chị là công nhân làm tại thị xã TB lương 9.000.000 đồng/tháng, chị thuê căn nhà tại khu phố AP, phường AT, thị xã TB để sinh sống, anh Đ chỉ đến thăm con 01 lần.

Xét thấy, anh Đ và chị T đều có nơi sinh sống, có thu nhập ổn định, có điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, cháu S còn nhỏ (chưa tròn 5 tuổi), cháu sống với chị T thời gian dài từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay. Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Đ cho rằng chị T không tạo điều kiện cho anh thăm con, ngăn cản không cho thăm con nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày. Cháu S hiện còn nhỏ, từ tháng 9 năm 2018 đến nay cháu sống với chị T ổn định thời gian dài, nếu giao cháu S cho anh Đ nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng tới tới tâm lý của cháu.

Anh Đ kháng cáo yêu cầu được nuôi cháu S nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T có căn cứ chấp nhận.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Từ những phân tích trên xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Đ; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 40/2020/HNGĐ-ST ngày 28-5-2021 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

[6] Về án phí hôn nhân phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu kháng cáo của anh Đ không được chấp nhận nên anh Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đ.

**2.** Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 40/2020/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**2.1.** Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đ và chị T.

**2.2. Về con chung:** Giao cháu S, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2017 cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**2.3. Về tài sản chung, nợ chung:** Anh Đ và chị T không yêu cầu giải quyết.

**3. Về án phí:**

**3.1. Án phí sơ thẩm:** Anh Đ tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số: 0072594 ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3.2. Án phí phúc thẩm:** Anh Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số: 0015346 ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND h Trảng Bàng;
- CCTHADS h Trảng Bàng;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Tuyền**